****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**DỰ THẢO 2**

**SỬA ĐỔI 01: 2023 QCVN 43:2012/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA**

**VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

***National technical regulation on roadside station***

**Hà Nội - 2023**

#

# Lời nói đầu

|  |
| --- |
| Sửa đổi 01:2023 QCVN 43:2012/BGTVT sửa đổi một số quy định của QCVN 43: 2012/BGTVT.Sửa đổi 01: 2023 QCVN 43: 2012/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số ……../2023/TT-BGTVT ngày …. tháng … năm 2023.Quy chuẩn này được biên soạn trên cơ sở: - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 43:2012/BGTVT;- Các Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN 7447-7-22, TCVN 9053, TCVN 13078-1, TCVN 12504-1. |

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

***National technical regulation on roadside station***

#

## Phần I. Bổ sung, sửa đổi một số nội dung Phần I QCVN 43:2012/BGTVT

## 1. Sửa đổi khoản 1.3 Điều 1 như sau:

## “1.3. Tài liệu viện dẫn

|  |  |
| --- | --- |
| - QCVN 01 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. |
| - QCVN 01 - 1 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. |
| - QCVN 02 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt. |
| - QCXDVN 05 | Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khoẻ. |
| - QCVN 06 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. |
| - QCVN 07 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. |
| - QCVN 10 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng. |
| - TCVN 4054 | Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế. |
| - TCVN 4319 | Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế. |
| - TCVN 4530 | Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế. |
| - TCVN 5687 | Thông gió, điều tiết không khí - Tiêu chuẩn thiết kế. |
| - TCVN 5729  | Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế. |
| - TCVN 7447-7-22 | Yêu cầu đối với hệ thống lắp đặt đặc biệt hoặc khu vực đặc biệt - Nguồn cấp cho xe điện. |
| - TCVN 9053 | Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện. |
| - TCVN 10380 | Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế. |
| - TCVN 13078-1 | Hệ thống xạc điện có dây dùng cho xe điện. |
| - TCVN 12504-1 | Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện.”. |

**2. Sửa đổi điểm a khoản 1.4 Điều 1 như sau:**

“a) *Trạm dừng nghỉ đường bộ (sau đây gọi là trạm dừng nghỉ)* là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, được xây dựng dọc theo tuyến cao tốc, tuyến quốc lộ hoặc tỉnh lộ để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông.”.

## Phần II. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phần II QCVN 43:2012/BGTVT

## 1. Sửa đổi một số nội dung Điều 2.1 như sau:

## a) Sửa đổi khoản 2.1.1 như sau:

“2.1.1. Vị trí Trạm dừng nghỉ được xây dựng theo các nội dung quy định tại Mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc, Quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.”.

**b). Sửa đổi khoản 2.1.2 như sau:**

“2.1.2. Điểm đấu nối của đường ra vào trạm dừng nghỉ với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.”.

**c) Sửa đổi khoản 2.1.4 như sau:**

“2.1.4. Các công trình, thiết bị của trạm dừng nghỉ phải được xây dựng, lắp đặt đảm bảo chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCVN 4319 và các quy định liên quan khác.”.

**d) Sửa đổi khoản 2.1.5 như sau:**

“2.1.5. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc của trạm dừng nghỉ phải đảm bảo đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định quy định tại QCVN 07 và TCVN 4319 để có thể cung cấp an toàn, liên tục và ổn định các dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông.”.

**2. Bổ sung điểm g, điểm h khoản 2.2.2 Điều 2.2 như sau:**

“g) Trụ/thiết bị sạc điện, đổi pin cho xe ô tô điện;

h) Trạm biến áp, trạm phát điện dự phòng.”.

**3. Sửa đổi một số nội dung Điều 2.3 như sau:**

**a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2.3.1 như sau:**

**“**2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại trạm dừng nghỉ:

a) Trạm dừng nghỉ được chia làm 4 loại căn cứ vào diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình bắt buộc phải có đối với từng loại như trong bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Loại trạm dừng nghỉ |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 |
| 01 | Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu) | m2 | 10.000 | 5.000 | 3.000 | 1.000 |
| 02 | Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu) | m2 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 03 | Đường xe ra, vào |  | Đường ra, vào riêng biệt | Đường ra, vào chung rộng tối thiểu 7,5m. |
| 04 | Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoặc khu vực rửa xe |  | Có |
| 05 | Trạm cấp nhiên liệu |  | Có |
| 06 | Mặt sân khu vực bãi đỗ xe |  | Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07 cm |
| 07 | Khu vệ sinh | m2 | Có diện tích > 3% tổng diện tích xây dựng (có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10) |
| 08 | Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe | m2 | 36 | 24 | 18 | 18 |
| 09 | Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi) | m2 | Tối thiểu bằng 10% Tổng diện tích mặt bằng trạm (TCVN 4319:2012) |
| 10 | Nơi cung cấp thông tin |  | Có |
| 11 | Khu vực tối thiểu lắp đặt trụ/thiết bị sạc điện và trụ/thiết bị đổi pin xe ô điện cho xe điện.  | m2 | Có diện tích lớn hơn hoặc bằng ≥ 5% tổng diện tích của khu vực đỗ xe |
| 12 | Khu phục vụ ăn uống, giải khát |  | Có |
| 13 | Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa |  | Có |
| 14 | Phòng trực của nhân viên cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông |  | Có |

b) Phạm vi áp dụng đối với từng loại trạm dừng nghỉ:

- Căn cứ vào lưu lượng phương tiện, hành khách thông qua tuyến đường và điều kiện cụ thể của khu vực nơi xây dựng trạm dừng nghỉ để tính toán Quy mô, năng lực cung cấp dịch vụ của trạm dừng nghỉ và trên các tuyến quốc lộ, đường cao tốc xây dựng phải áp dụng quy mô trạm dừng nghỉ từ Loại 3 trở lên và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Trên các tuyến cao tốc xây dựng trạm dừng nghỉ theo Mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

**b) Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 2.3.2 như sau:**

“b) Diện tích tối thiểu cho một chỗ đỗ của xe ô tô khách, xe ô tô tải là 40 m2 và cho xe ô tô con là 25 m2. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe. Có vị trí đỗ xe riêng cho người khuyết tật với diện tích tối thiểu 25m2 theo QCVN 07;

c) Đường lưu thông trong trạm dừng nghỉ phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp (nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường) được quy định tại QCVN 07 để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực trạm dừng nghỉ;”.

**c) Sửa đổi điểm b khoản 2.3.4 như sau:**

“b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ. Số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải phù hợp với quy định của từng loại công trình theo TCVN 4319;”.

**d) Sửa đổi điểm a khoản 2.3.8 như sau:**

“a) Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải được thực hiện đúng theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết kế cửa hàng xăng dầu QCVN 01;”.

**đ) Sửa đổi điểm b khoản 2.3.9 như sau:**

“b) Trong trường hợp trạm dừng nghỉ tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1 và Chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1;”

**4.** **Sửa đổi, bổ sung điểm d và điểm đ khoản 2.4 như sau:**

“d) Đối với trạm dừng nghỉ có xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phải có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp giảm thiểu bụi khí thải, hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt ảnh hưởng đến môi trường xung quanh theo quy định tại QCXDVN 05;.

đ) Trạm dừng nghỉ phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định tại QCVN 06;”.

**Phần III.** **Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phần III QCVN 43: 2012/BGTVT**

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1.2 Điều 3.1 như sau:**

“3.1.2. Thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

a) Cục Đường bộ Việt Nam công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ; tuyến cao tốc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật vào khai thác;

b) Cục Đường Cao tốc Việt Nam công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo các phương thức: chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và các phương thức khác theo quy định của pháp luật vào khai thác

c) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố đưa trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý vào khai thác (trừ trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc do Bộ Giao thông vận tải quản lý).”.

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.1.3 Điều 3.1 như sau:**

“3.1.3. Thủ tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

3.1.3.1. Thủ tục công bố lần đầu

Gồm 2 bước:

a) Bước 1: Trước khi xây dựng.

- Đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc: Để đảm bảo phù hợp với quy hoạch trạm dừng nghỉ, mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc, quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ phải gửi văn bản đề nghị vị trí xây dựng đến một trong các cơ quan có thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác nêu tại khoản 3.1.2 mục này. Chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị vị trí xây dựng, cơ quan có thẩm quyền công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có văn bản đồng ý/thống nhất. Trường hợp không đồng ý/thống nhất phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

***Chú thích:***

*1) Văn bản đồng ý/thống nhất vị trí xây dựng trạm dừng nghỉ chỉ xác định vị trí dự kiến xây dựng trạm là phù hợp với quy hoạch trạm dừng nghỉ, mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc, quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã được phê duyệt, không thay thế cho văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông.*

*2) Đối với các trạm dừng nghỉ đã được xây dựng trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền công bố quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ, mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc, quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì vẫn được xem xét công bố hợp quy theo thủ tục quy định tại bước 2, nếu có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có trạm dừng nghỉ.*

b) Bước 2: Sau khi hoàn thành việc xây dựng.

Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền.

\* Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1).

- Quyết định phê duyệt các điểm đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.

- Văn bản chấp thuận đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền (Trường hợp hồ sơ đề nghị thỏa thuận đấu nối ra vào trạm dừng nghỉ đã gửi Bộ Giao thông vận tải trước ngày Thông tư 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số [50/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-huong-dan-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-tri-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-291880.aspx) ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ).

- Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông ra, vào trạm dừng nghỉ của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông nút giao đấu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông đã gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số [50/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-huong-dan-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-tri-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-291880.aspx) ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2).

\* Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố.

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký.

3.1.3.2. Thủ tục công bố lại

Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến cơ quan có thẩm quyền.

a) Hồ sơ đề nghị công bố lại gồm:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại phụ lục 4).

- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

- Báo cáo kết quả hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục 5).

b) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lại: được thực hiện như quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lần đầu.”.

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3.2 như sau:**

“**3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước**

3.2.1. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của trạm dừng nghỉ đối với các tuyến đường quốc lộ, tuyến cao tốc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật

b) Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác trên các tuyến đường quốc lộ, tuyến cao tốc đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Cục Đường cao tốc Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương để phối hợp quản lý;

3.2.2. Trách nhiệm của Cục Đường cao tốc Việt Nam

a) Chủ trì phối hợp với các địa phương, Cục Đường bộ Việt Nam tổ chức xây dựng mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc và đề xuất Cục Đường bộ Việt Nam bổ sung vào quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng phê duyệt.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của trạm dừng nghỉ đối với các tuyến cao tốc; quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác trên các tuyến cao tốc (trừ các tuyến đường cao tốc do Cục Đường bộ Việt Nam trực tiếp tổ chức khai thác). Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải địa phương để phối hợp quản lý.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các quy định về hoạt động khai thác trạm dừng nghỉ đường bộ theo phạm vi quản lý.

3.2.3. Trách nhiệm của Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương theo quy định và bổ sung hệ thống trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ (trừ trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc) thuộc địa phương quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác trên các tuyến đường (trừ trạm dừng nghỉ trên tuyến quốc lộ, tuyến đường cao tốc) thuộc địa phương quản lý. Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam để phối hợp quản lý;

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ trên địa bàn địa phương.”.

**4. Sửa đổi điểm a khoản 3.3.1 Điều 3.3 như sau:**

“a) Đầu tư xây dựng trạm dừng nghỉ phù hợp với Mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc, Quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã được phê duyệt và phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này.”.

**5. Sửa đổi điểm g khoản 3.3.2 Điều 3.3 như sau:**

“g) Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình hoạt động khai thác trạm dừng nghỉ theo yêu cầu của Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường cao tốc Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương.”.

**Phần IV.**

1. Bãi bỏ khoản 4.4, điểm 3.2.4 và Phụ lục 1.

2. Thay thế cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại: điểm a khoản 3.1.2, khoản 3.2.2, điểm b khoản 3.2.4, điểm g khoản 3.3.2, mục 4.1, mục 4.2, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 5, Phụ lục 6./.